

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **29/2024/DS-ST**

Ngày: 14/3/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bé Em

Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 373/2023/TLST-DS ngày 07/12/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 21/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thành Q**; sinh năm **1969 (có mặt)**

Nơi cư trú: khu phố B, phường L, thành phố BT, tỉnh BT

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Ngọc G**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố C, phường K, thành phố BT, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn ông Q trình bày:

Ngày 23/7/2023 do cần tiền đáo hạn ngân hàng nên bà Lê Thị Ngọc G có nhờ ông mượn dùm số tiền là 490.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, hẹn 02 tháng trả nhưng đến nay bà G không trả vốn gốc cũng như lãi. Nay ông yêu cầu bà G trả cho ông số tiền vốn là 490.000.000 đồng và phần tiền lãi của số tiền trên từ tháng 7/2023 đến nay với thời gian là 07 tháng, với mức lãi suất là 01%/tháng, với số tiền là 34.300.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 524.300.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà G, đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải nhưng bà G vắng mặt không lý do. Ngày 21/12/2023 bà G có đơn xin tạm hòa giải vì lý do bị bệnh và có trình bày ý kiến là có thiếu tiền của ông Q chưa trả được đồng thời hứa cố gắng kiếm tiền trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 16/10/2023 ông Nguyễn Thành Q có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc G trả số tiền vay là 490.000.000 đồng và phần lãi của số tiền trên. Bà G hiện cư trú tại phường K, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo như ông Q trình bày thì vào ngày 23/7/2023 do cần tiền đáo hạn ngân hàng nên bà Lê Thị Ngọc G có nhờ ông mượn dùm số tiền là 490.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, hạn 02 tháng trả nhưng đến nay bà G không trả vốn gốc cũng như lãi. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Bà G mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có người đại diện nên không thể tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà G.

[4] *Về nội dung vụ án*: Tại tòa, ông Q yêu cầu bà G trả cho ông số tiền vốn là 490.000.000 đồng và phần tiền lãi của số tiền trên từ tháng 7/2023 đến nay là 07 tháng với mức lãi suất là 1,0%/tháng với số tiền là 34.300.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 524.300.000 đồng.

Xét “*Giấy mượn tiền*” ghi ngày 23/7/2023 thể hiện bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1969, CCCD số 083169001670; địa chỉ thường trú ... khu phố C phường K, TPBT có mượn của ông Q số tiền là 490.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tay trong đó có chữ ký của bà G. Bên cạnh đó, tại “*Đơn xin tạm hòa giải*” ngày 21/12/2023 do bà G gửi đến Tòa án thể hiện bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1969, CCCD số 083169001670; địa chỉ thường trú thường trú ... khu phố C phường K, TPBT thì bà G thừa nhận bà có thiếu tiền ông Q chưa trả. Họ tên, năm sinh, số CCCD và địa chỉ thường trú của bà G trong hai văn bản trên là trùng khớp. Từ đó có cơ sở khẳng định giao dịch giữa ông Q với bà G là có thật. Bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên ông Q khởi kiện yêu cầu bà G phải thanh toán cho ông phần nợ trên và lãi suất là có cơ sở nên được chấp nhận.

Số tiền 490.000.000 đồng ông Q yêu cầu tính lãi suất 1,0%/tháng với thời hạn 07 tháng là đúng theo qui định của pháp luật.

Cụ thể: $490.000.000 \text{ đồng} \times 1,0\% \times 7 \text{ tháng} = 34.300.000 \text{ đồng}$
Tổng cộng vốn và lãi là 524.300.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng)

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 26.125.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) bà G phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Q; cụ thể tuyên:

Buộc bà **Lê Thị Ngọc G** có trách nhiệm trả cho ông **Nguyễn Thành Q** số tiền là 524.300.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 26.125.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) bà G phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho ông Nguyễn Thành Q số tiền 12.495.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000860 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong